SỰ PHÂN BỐ QUẦN THỂ MUỖI TRUYỀN BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT DENGUE VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở MỘT SỐ KHU VỰC, TỈNH ĐẮK LẮK, NĂM 2025

Thông tin về tác giả: Trần Thị Trang
Đơn vị công tác: Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên
Thông tin liên hệ: Email: trangtcmr@gmail.com Số điện thoại: 0987450230 Địa chỉ: 34 Phạm Hùng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

TÓM TẮT / ABSTRACT

Nghiên cứu nhằm mục tiêu mô tả sự phân bố quần thể muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết Dengue (SXHD) và một số yếu tố liên quan tại một số khu vực tỉnh Đắk Lắk năm 2025. Nghiên cứu cắt ngang thực hiện tại 300 hộ gia đình. Kết quả Aedes aegypti là loài chiếm ưu thế với các chỉ số ở mức cao, trong đó mật độ muỗi (DI) dao động từ 1,0–2,20 con/nhà và Breteau (BI) từ 39,0–83,0. Ngược lại, Aedes albopictus các chỉ số khá thấp, với DI từ 0,01–0,06 con/nhà và BI từ 1,0–29,0. Cả hai loài đều phân bố cao hơn tại khu vực đồi núi và đồng ruộng, thấp hơn tại khu vực đô thị được chọn. Các yếu tố có mối liên quan đến xuất hiện muỗi và bọ gậy Aedes bao gồm: nhà có sân vườn, sử dụng nước giếng, bể/phuy không đậy kín và vệ sinh ngoài nhà chưa đạt. Cần tăng cường hoạt động giám sát véc tơ, đẩy mạnh các giải pháp loại bỏ ổ bọ gậy tại hộ gia đình góp phần phòng chống bệnh hiệu quả.

ĐẶT VẤN ĐỀ / MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Tỉnh Đắk Lắk ghi nhận số ca mắc, tử vong do SXHD cao tại khu vực Tây Nguyên. Giai đoạn 2019–2024, trung bình mỗi năm 8.105 trường hợp mắc SXHD (417 ca/100.000 dân). Hiện kiểm soát véc tơ vẫn là phương pháp phòng chống SXHD hiệu quả, bền vững nhất. Sự phân bố của hai loài muỗi *Ae. aegypti* và *Ae. albopictus* không giống nhau giữa các khu vực đô thị, miền núi và đồng bằng, phản ánh trực tiếp đến nguy cơ lưu hành SXHD cũng như hiệu quả của các giải pháp trong kiểm soát véc tơ tại cộng đồng. Nghiên cứu thực hiện nhằm mô tả sự phân bố quần thể muỗi truyền bệnh SXHD tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2025 và một số yếu tố liên quan, có ý nghĩa thực tiễn trong chiến lược giám sát véc tơ và xây dựng các giải pháp kế hoạch phòng chống SXHD phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương.

ĐỐI TƯỢNG – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng: muỗi trưởng thành và bọ gậy của *Ae. aegypti* và *Ae. albopictus*; các hộ gia đình. Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện trên 300 hộ gia đình của tỉnh Đắk Lắk gồm: khu vực đô thị là thành phố Buôn Ma Thuột (cũ), khu vực rừng núi tại huyện Ea Súp (cũ) và khu vực đồng ruộng tại huyện Krông Ana (cũ). Từ tháng 07/2025 đến tháng 08/2025. Công cụ thu thập số liệu gồm phiếu phỏng vấn hộ gia đình, bảng kiểm thực hành kiểm soát muỗi truyền bệnh SXHD và phiếu điều tra véc tơ truyền bệnh SXHD theo mẫu của Bộ Y tế. Sử dụng Excel, STATA để tính các chỉ số về muỗi, bọ gậy, phân tích đơn biến, phân tích đa biến bằng mô hình hồi quy Poisson để xác định các yếu tố có mối liên quan và được trình bày ở dạng tỷ số hiện mắc (PR), khoảng tin cậy (95% CI). Kết quả thu được trình bày thành bảng, biểu.

KẾT QUẢ

Hình 1. Chỉ số DI, HI của muỗi Ae. aegypti (n=516), Ae. albopictus (n=9)

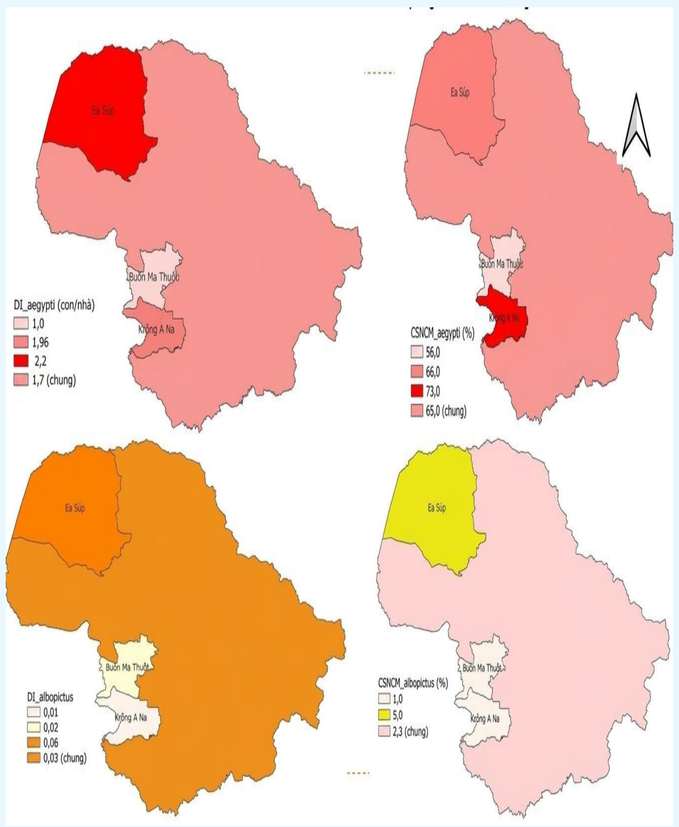

DI, HI của muỗi_*Ae. aegypti* ở cả 3 điểm đều khá cao (DI≥0,5 con/nhà, HI >50%). Chỉ số muỗi *Ae. albopictus* khá thấp. Các chỉ số muỗi cao nhất ở Ea Súp.

Hình 2. Chỉ số BI, CSMĐBG của bọ gậy Ae. aegypti (n=13.397), Ae. albopictus (n=2.513)

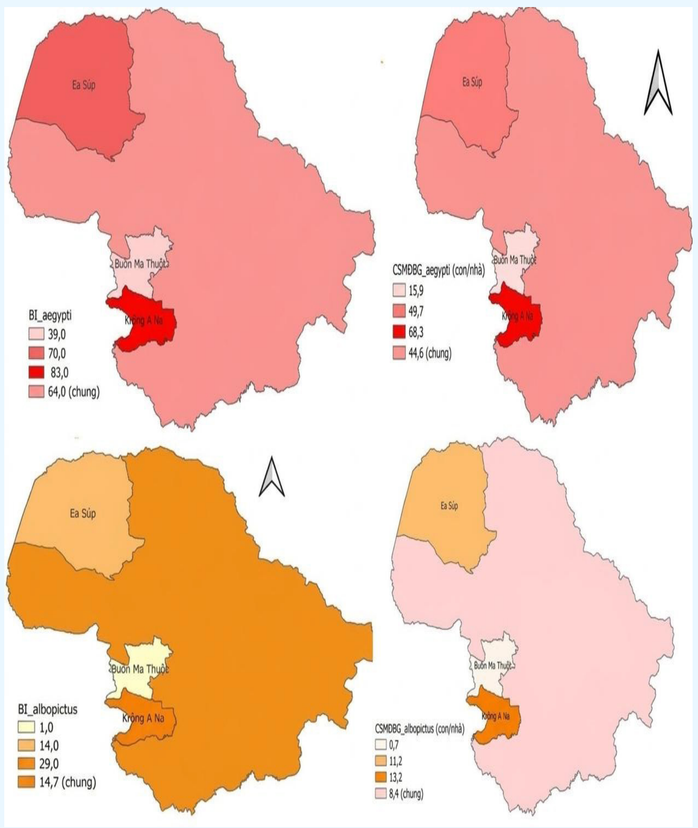

BI *Ae. aegypti,* cả 3 điểm đều cao (BI>30). BI *Ae. albopictus* các chỉ số đều thấp (BI<30). Chỉ số bọ gậy ghi nhận cao nhất ở Krông Ana, thấp nhất tại Buôn Ma Thuột.

Bảng 1. Mối liên quan một số yếu tố và nhà có muỗi /bọ gậy Aedes (n=300)

Yếu tố	Nhóm	Có bọ gậy/muỗi n (%)	Không n (%)	PR điều chỉnh (95% CI)
YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN NHÀ CÓ MUỖI *AEDES*				
Bọ gậy *Aedes*	Có	114 (85,1)	20 (14,9)	1,46 (1,23-1,73)
	Không	88 (53,0)	78 (47,0)	1,00
Nhà có sân vườn	Có	159 (73,6)	57 (26,4)	1,34 (1,08-1,67)
	Không	43 (51,2)	41 (48,8)	1,00
Bể/phuy có nắp kín	Không	123 (79,9)	31 (20,1)	1,26 (1,06-1,49)
	Có	79 (54,1)	67 (45,9)	1,00
YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN NHÀ CÓ BỌ GẬY *AEDES*				
Nguồn nước sử dụng	Chỉ nước giếng	45 (56,2)	35 (43,8)	1,36 (1,01-1,84)
	Chỉ nước máy	47 (32,2)	99 (67,8)	1,00
Bể/phuy có nắp kín	Không	95 (61,7)	59 (38,3)	1,84 (1,37-2,47)
	Có	39 (26,7)	107 (73,3)	1,00
Vệ sinh ngoài nhà	Chưa đạt	117 (60,6)	76 (39,4)	2,73 (1,67-4,47)
	Đạt	17 (15,9)	90 (84,1)	1,00

Nhà có bọ gậy, có sân vườn tăng nguy cơ xuất hiện muỗi (PR: 1,46-1,34). Bể/phuy không nắp tăng bọ gậy (PR = 1,84) và muỗi (PR = 1,26). Sử dụng nước giếng, vệ sinh ngoài nhà kém làm tăng nguy cơ có bọ gậy (PR: 1,36-2,73).

KẾT LUẬN & ĐỀ XUẤT

Sự phân bố quần thể muỗi truyền bệnh SXHD có sự khác nhau giữa các khu vực nghiên cứu. Muỗi *Ae. aegypti* là loài chiếm ưu thế tại cả ba khu vực với các chỉ số véc tơ tương đối cao. Muỗi *Ae. albopictus* có mật độ thấp hơn và phân bố không đồng đều, ghi nhận cao hơn tương đối tại khu vực Krông Ana. Các yếu tố như sự có mặt của bọ gậy *Aedes*, có sân vườn và tình trạng không đậy kín bể/phuy chứa nước có mối liên quan đến sự hiện diện muỗi *Aedes* và sử dụng nước giếng, DCCN không đậy nắp kín, vệ sinh ngoài nhà chưa đạt có mối liên quan đến sự hiện diện của bọ gậy trong hộ gia đình. Cần tăng cường hoạt động giám sát véc tơ và đẩy mạnh các giải pháp loại bỏ ổ bọ gậy tại hộ gia đình nhằm góp phần phòng chống bệnh hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

4. Viên Chinh Chiến, Phạm Ngọc Thanh, Nguyễn Lê Mạnh Hùng và cộng sự. Thực trạng bệnh sốt xuất huyết Dengue tại khu vực Tây Nguyên, giai đoạn 2000 – 2020. Tạp chí Y học dự phòng. 2022; 32 (2): 48 – 51.
5. Trần Thị Trang, Phan Đình Thuận, Bùi Khánh Toàn và cộng sự. Một số đặc điểm dịch tễ học bệnh sốt xuất huyết Dengue tại khu vực Tây Nguyên năm 2022. Tạp chí Y học dự phòng. 2023; 33 (6): 23 - 29.
6. Bộ Y tế. Quyết định 3711/QĐ-BYT về Hướng dẫn giám sát và phòng chống Sốt xuất huyết Dengue, ngày 19/9/2014. 2014.
16. Nguyễn Đỗ Ngọc Nhuận, Lê Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Thi Thơ, Vũ Sinh Nam. Ổ bọ gậy nguồn muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết dengue và một số yếu tố liên quan tại thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định, 2016. Tạp chí Y học dự phòng. 2017; 27(7): 191-7.